SỞ Y TẾ HÀ NỘI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc hiệu chuẩn trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty/Đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội có nhu cầu triển khai kế hoạch hiệu chuẩn trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2026 *(chi tiết số lượng, yêu cầu theo phụ lục đính kèm thư mời báo giá này)*.

Để có căn cứ xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Trung tâm kính mời Quý Cơ quan/ Đơn vị có khả năng cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn trang thiết bị nêu trên gửi Bảng báo giá về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội theo thông tin như sau:

Báo giá có đầy đủ chữ ký, con dấu đại diện pháp nhân, thời hạn hiệu lực tối thiểu của báo giá: 180 ngày, giá báo giá đã bao gồm thuế, phí và lệ phí;

Thời gian tiếp nhận báo giá: trước 17 giờ 00 ngày 29 / 11/2026;

Báo giá bản cứng xin gửi về: Khoa Dược - Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội, số 70 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, thành phố Hà Nội;

SĐT: 0243.734.9816 hoặc Dược sĩ Trần Quang Điện: 039.525.4496;

Báo giá bản mềm xin gửi về địa chỉ email: baogia.dvtyt.cdc@gmail.com / Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty/ Đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Khoa TTGDSK (để đăng tải);
- Phòng TCHC (để đăng tải);
- Lưu: DVTYT (Điện).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bùi Văn Hào

Phụ lục I

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ HIỆU CHUẨN PHỤC VỤ CÔNG TÁC XÉT NGHIỆM NĂM 2026

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 19 / 11 /2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội)

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
1	Nhiệt kế thủy tinh			
1.1	Nhiệt kế thủy tinh	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0; 5; 8; 25; 37; 42; 44)°C	01	Máy
1.2	Nhiệt kế thủy tinh	Kiểm tra tại điểm băng	01	Máy
2	Nhiệt kế điện tử 2 kênh đo			
2.1	Nhiệt kế 2 đầu dò Extech EasyView EA-10	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (-30; -20; 0; 5; 8; 37; 44; 50)°C	01	Máy
2.2	Nhiệt kế 2 đầu dò	Nhiệt độ kênh T1 và T2: (-30; -20; 0; 5; 8; 20; 25; 30; 35; 37; 42; 46; 50)°C	02	Máy
3	Nhiệt kế tự ghi			
3.1	Nhiệt kế tự ghi	Nhiệt độ hiệu chuẩn (5; 28; 37; 50; 56; 75; 121)°C	01	Máy
4	Nhiệt, ẩm kế (Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm)			
4.1	Thiết bị đo nhiệt độ/ độ ẩm Extech 445702	- Nhiệt độ hiệu chuẩn: (20; 30; 40)°C; - Ẩm độ hiệu chuẩn: (30; 45; 75)%RH	01	Máy
4.2	Thiết bị đo nhiệt độ/ độ ẩm Extech 445702	- Nhiệt độ hiệu chuẩn: (15;25;35)°C; - Ẩm độ hiệu chuẩn: (30;55;80)%RH	02	Máy
4.3	Nhiệt kế điện tử tự ghi SteriDisk	Nhiệt độ hiệu chuẩn (5; 28; 37; 50; 56; 75; 121)°C	01	Máy
4.4	Nhiệt, ẩm kế (Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm)	- Nhiệt độ hiệu chuẩn: (20; 30; 40)°C; - Ẩm độ hiệu chuẩn: (30; 45; 75)%RH	04	Máy
4.5	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm Testo 625	Nhiệt độ hiệu chuẩn: tại 3 điểm nhiệt trên dải nhiệt độ Ẩm độ hiệu chuẩn: tại 3 điểm nhiệt trên dải	01	Máy
4.6	Nhiệt ẩm kế/ Electronic thermohygrometer	- Nhiệt độ: 20;30;40 - Độ ẩm: 30; 45; 70; 80	01	Máy

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
5	Bể ổn nhiệt			
5.1	Nồi cách thủy JSR	- Nhiệt độ hiệu chuẩn: 2 điểm nhiệt độ (70°C ± 1 và 100°C ± 1); - Độ đồng đều, ổn định nhiệt độ; - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều	01	Máy
5.2	Nồi cách thủy	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 2 điểm nhiệt độ (70°C ± 1 và 100°C ± 1); Độ đồng đều, ổn định nhiệt độ; Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều	01	Máy
6	Nồi hấp			
6.1	Nồi hấp ướt 2 điểm nhiệt ALP MC-30LDP, seri A1162070	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 2 điểm nhiệt - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều; - Thời gian hiệu chuẩn: 15min	01	Máy
6.2	Nồi hấp ướt 1 điểm nhiệt ALP CL-32LDP, seri A1162069	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 1 điểm nhiệt - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều; - Thời gian hiệu chuẩn: 15min	01	Máy
6.3	Nồi hấp ướt ALP	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 2 điểm nhiệt (75;121)°C Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều; Thời gian hiệu chuẩn: 15phút cho điểm nhiệt 121°C và 60phút cho điểm nhiệt 75°C	01	Máy
6.4	Nồi hấp ướt ALP	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 1 điểm nhiệt 121°C Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều; Thời gian hiệu chuẩn: 15phút cho điểm nhiệt 121°C	01	Máy
7	Tủ âm sâu			
7.1	Tủ âm sâu Ultra low/ Freezer Ultra low	Nhiệt độ: -30	01	Máy
8	Tủ ấm			
8.1	Tủ ấm SANYO/ INCUBATOR SANYO	Nhiệt độ: 35; 44	01	Máy

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
8.2	Tủ ấm SANYO/ INCUBATOR SANYO	Nhiệt độ: 37; 42	01	Máy
8.3	Tủ ấm Memmert/ INCUBATOR Memmert	Nhiệt độ: 37	01	Máy
8.4	Tủ ấm Memmert / INCUBATOR Memmert	Nhiệt độ: 44	01	Máy
8.5	Tủ ấm	Nhiệt độ hiệu chuẩn 1-2 điểm nhiệt Độ đồng đều, ổn định nhiệt độ. Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều	08	Máy
9	Tủ ấm CO2			
9.1	Tủ ấm CO2 Memmert INC246	Nhiệt độ hiệu chuẩn: 1 điểm nhiệt độ Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều	01	Máy
10	Tủ BOD			
10.1	Tủ mát BOD Velp FOC 120E	- Nhiệt độ hiệu chuẩn: 2 điểm nhiệt độ; - Độ đồng đều, ổn định nhiệt độ; - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều	01	Máy
11	Tủ sạch			
11.1	Tủ Bioclean MCV-13BSU	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào; - Tốc độ dòng khí thổi xuống; - Cường độ ánh sáng; - Cường độ ánh sáng tím (nếu có); - Độ ồn; - Độ dịch chuyển; - Hiệu suất màng ULPA	01	Máy
11.2	Tủ cấy ESCO/ Laminar Flow Clean Benches ESCO	- Tốc độ dòng khí qua cửa; - Tốc độ dòng khí thổi xuống;	01	Máy

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
		- Lưu lượng dòng khí qua cửa; - Lưu lượng dòng khí xuống bề mặt; - Độ rọi ánh sáng xuống bề mặt làm việc; - Độ rọi ánh sáng khả kiến tại bề mặt làm việc (lux); - Hiệu suất bộ lọc; - Cường độ ánh sáng tím; - Độ rung.		
11.3	Tủ sạch (Clean Benches)	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào; - Tốc độ dòng khí thổi xuống; - Cường độ ánh sáng; - Cường độ ánh sáng tím (nếu có); - Độ ồn; - Độ dịch chuyển; - Hiệu suất màng ULPA	03	Máy
11.4	Tủ cấy sạch Sanyo (Bioclean) MCV-13BSS	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào - Tốc độ dòng khí thổi xuống - Cường độ ánh sáng - Cường độ ánh sáng tím (nếu có) - Độ ồn - Độ dịch chuyển - Hiệu suất màng ULPA	01	Máy
12	Tủ sấy			
12.1	Tủ sấy Memmert UM 400	- Nhiệt độ hiệu chuẩn: (105±2; 120±2; 150±2) °C - Độ đồng đều, ổn định nhiệt độ; - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều	01	Máy

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
12.2	Tủ sấy Memmert UNB 500	- Nhiệt độ hiệu chuẩn: (56, 140; 170)°C; - Độ ổn định, đồng đều nhiệt độ trong tủ; - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều.	01	Máy
12.3	Tủ sấy	Nhiệt độ hiệu chuẩn tại 1-3 điểm nhiệt - Độ ổn định, đồng đều nhiệt độ trong tủ; - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ trong tủ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều	03	Máy
12.4	Tủ sấy Memmert UNB 500	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (56±2, 140±2; 170±2)°C; - Độ ổn định, đồng đều nhiệt độ trong tủ; - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều.	01	Máy
12.5	Tủ sấy Memmert UN 160	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (170 ± 10)°C; - Độ đồng đều, ổn định nhiệt độ; - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều	01	Máy
13	Máy đo quang phổ UV-Vis			
13.1	Máy đo quang phổ PD-3000UV	Độ chính xác phép đo bước sóng; Độ chính xác phép đo độ hấp thụ; Các bước sóng hiệu chuẩn: (415; 420; 450; 510; 540; 655; 880) nm	01	Máy
13.2	Máy đo quang phổ UV-Vis Labomed UVD-2960	Sửa và hiệu chuẩn Độ chính xác phép đo bước sóng; Độ chính xác phép đo độ hấp thụ; Các bước sóng hiệu chuẩn: (415; 420; 450; 510; 540; 655; 880) nm	01	Máy
14	Máy đo pH			
14.1	Máy đo pH Orion star A211	pH hiệu chuẩn: (4; 7; 10)pH	01	Máy
15	Máy ly tâm			
15.1	Máy ly tâm	Tốc độ hiệu chuẩn: (1000; 2000; 3000; 4000; 5000)rpm; Thời gian hiệu chuẩn: 20min; Nhiệt độ hiệu chuẩn: 4°C;	02	Máy

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
		Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ buồng li tâm bị sai lệch nhiều.		
15.2	Máy li tâm Kubota 2420	- Tốc độ: tại 5 điểm trên dải tốc độ; - Thời gian: tại 2 mốc thời gian	01	Máy
16	Tủ an toàn sinh học cấp II			
16.1	Tủ an toàn sinh học các cấp	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào; - Tốc độ dòng khí thổi xuống; - Cường độ ánh sáng; - Cường độ ánh sáng tím (nếu có); - Độ ồn; - Độ dịch chuyển; - Hiệu suất màng ULPA	07	Máy
16.2	Tủ an toàn sinh học	Các chỉ tiêu thử nghiệm: - Tốc độ dòng khí vào; - Tốc độ dòng khí thổi xuống; - Cường độ ánh sáng; - Cường độ ánh sáng tím (nếu có); - Độ ồn; - Độ dịch chuyển; - Hiệu suất màng ULPA…	02	Máy
17	Micropipette 8 kênh, đa mức			
17.1	Micropipette 8 kênh, đa mức	Dung tích hiệu chuẩn: tại 03 mức trên dải dung tích	04	Máy
18	Micropipette đơn kênh, đa mức			
18.1	Micropipette đơn kênh, đa mức	Dung tích hiệu chuẩn: tại 03 mức trên dải dung tích	20	Máy
18.2	Micropipette đơn kênh, đa	Dung tích hiệu chuẩn: tại 03 mức trên dải dung tích	02	Máy

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
	mức 10-100µL			
18.3	Micropipette đơn kênh, đa mức 100-1000µL	Dung tích hiệu chuẩn: tại 03 mức trên dải dung tích	01	Máy
18.4	Micropipette đơn kênh, đa mức 2-20µL	Dung tích hiệu chuẩn: tại 03 mức trên dải dung tích	01	Máy
19	Cân kỹ thuật			
19.1	Cân kỹ thuật Sartorius CPA4202S	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân trên toàn dải cân: - Kiểm tra cân trước hiệu chuẩn; - Kiểm tra mức cân nhỏ nhất; - Kiểm tra độ động; - Kiểm tra tải trọng đặt lệch tâm; - Hiệu chuẩn kết hợp hiệu chỉnh đánh giá sai số và độ không đảm bảo đo	01	Máy
20	Cân phân tích			
20.1	Cân phân tích Sartorius CPA224S	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân trên toàn dải cân: - Kiểm tra cân trước hiệu chuẩn; - Kiểm tra tải trọng đặt lệch tâm; - Hiệu chuẩn kết hợp hiệu chỉnh đánh giá sai số và độ không đảm bảo đo	01	Máy
20.2	Cân phân tích Bel	Hiệu chuẩn độ chính xác của cân trên toàn dải cân: - Kiểm tra cân trước hiệu chuẩn; - Kiểm tra tải trọng đặt lệch tâm; - Hiệu chuẩn kết hợp hiệu chỉnh đánh giá sai số và độ không đảm bảo đo	01	Máy
21	Đồng hồ bấm giây			
21.1	Đồng hồ bấm giây	Thời gian hiệu chuẩn tại các điểm đo	02	Máy

Phụ lục II

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ HIỆU CHUẨN PHỤC VỤ TIÊM CHỦNG NĂM 2026

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 19 / 11 /2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội)

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
1	Buồng lạnh 16 m^3	Hiệu chuẩn kho lạnh 16 m^3: - Đánh giá độ đồng đều, độ ổn định nhiệt trong buồng lạnh. - Hiệu chuẩn và hiệu chỉnh lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều/ không đồng đều.	01	Cái
2	Thiết bị điều chỉnh nhiệt độ buồng lạnh tăng lên giảm xuống (bộ điều khiển nhiệt độ)	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0;2;5;8;10)°C	01	Cái
3	Nhiệt kế thuỷ tinh	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0;2;5;8;10)°C	11	Cái
4	Nhiệt kế đầu dò DS-1	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0;2;5;8;10)°C	02	Cái
5	Thiết bị đo nhiệt độ điện tử (Bộ cảnh báo nhiệt độ GSX – 03)	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0;2;5;8;10)°C	01	Cái
6	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm HTC-2	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0;2;5;8;10)°C	01	Cái
7	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm DC-802	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0;2;5;8;10)°C; Ẩm độ hiệu chuẩn: (30;45;75)%RH	01	Cái
8	Tủ bảo quản vắc xin TCW3000: - Hãng sản xuất: B Medical Systems - Nước sản xuất: Luxembourg	Hiệu chuẩn tại 2 khoảng nhiệt độ sử dụng: 1.Bảo quản lạnh: (+2 đến +8)°C 2.Bảo quản âm sâu: (-15 đến -25)°C - Đánh giá độ đồng đều/ổn định nhiệt của tủ. - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều và không đồng đều	02	Cái

STT	Danh mục dịch vụ	Yêu cầu hiệu chuẩn	Số lượng	ĐVT
9	Nhiệt kế chỉ thị hiện số (Bộ cảnh báo nhiệt độ tự động VARES (VRTA)	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (0;2;5;8;10)°C	02	Cái
10	Tủ lạnh TCW3000AC; 80AC; MF314	Hiệu chuẩn tại 2 khoảng nhiệt độ sử dụng: 1.Bảo quản lạnh: (+2 đến +8)°C 2.Bảo quản âm sâu: (-15 đến -25)°C - Đánh giá độ đồng đều/ổn định nhiệt của tủ. - Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ bị sai lệch nhiều và không đồng đều.	04	Cái
11	Nhiệt kế chỉ thị hiện số (thiết bị theo dõi nhiệt độ tự động Fride – tag)	Hiệu chuẩn để bảo quản lạnh	03	Cái